

KẾT NỐI TRI THỨC | NGỮ VĂN

CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ 1

MÔN NGỮ VĂN LỚP 10

BẢN XEM TRƯỚC (DEMO)

Thân gửi quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh lớp 10. Bản demo này trích **nguyên văn** một số phần tiêu biểu của bộ "Chuyên đề ôn tập Học kỳ 1 - Ngữ văn 10" (sách "Kết nối tri thức với cuộc sống") để mọi người xem tận mắt cách biên soạn, cách ra đề, cách chấm và chất lượng bài viết mẫu trước khi đặt mua bản đầy đủ.

BẢN ĐẦY ĐỦ GỒM NHỮNG GÌ?

- **113 trang Word khổ A4**, trình bày sẵn, in ngay được, thầy cô chỉnh sửa tùy ý để dạy trên lớp hoặc giao bài.
- **Phần 1. Kiến thức thể loại:** Truyện, Thơ, Văn bản nghị luận, Sử thi, Chèo/tuồng. Mỗi khái niệm có định nghĩa chuẩn theo phần Tri thức ngữ văn SGK, kèm một câu "diễn nôm" giúp học sinh nhớ ngay.
- **Phần 2. Kỹ năng đọc hiểu và viết:** bảng dạng câu hỏi theo 4 cấp độ cho 3 thể loại, 4 khung dàn ý dùng được cho mọi ngữ liệu (truyện, thơ, bài thuyết phục từ bỏ thói quen/quan niệm, đoạn văn 200 chữ).
- **Phần 3. Ngân hàng 12 đề thực hành** (4 đề truyện, 4 đề thơ, 4 đề nghị luận), ngữ liệu ngoài SGK. Mỗi đề đủ 6 thành phần: ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm chi tiết, đoạn văn mẫu 200 chữ, bài văn mẫu 600 chữ.
- **24 bài viết mẫu** (12 đoạn văn và 12 bài văn), mỗi bài một cách mở, một giọng văn, không rập khuôn; câu chủ đề được in đậm để học sinh học cách triển khai.

VÌ SAO THẦY CÔ VÀ CÁC EM NÊN CHỌN BỘ TÀI LIỆU NÀY?

- Bám sát SGK và SGV Ngữ văn 10 bộ "Kết nối tri thức", đúng các kiểu bài viết của phần Ôn tập học kì I (SGK tr. 156-159).
- Đề đúng cấu trúc kiểm tra cuối kì hiện hành: Đọc hiểu 4,0 điểm, Viết 6,0 điểm, 90 phút; có ma trận và đặc tả để giáo viên dùng ngay khi ra đề.
- Hướng dẫn chấm "cầm tay chỉ việc": chấm ý nào, bao nhiêu điểm, chấp nhận cách hiểu nào; học sinh tự chấm bài của mình được.
- Biên soạn bởi giáo viên hơn 20 năm đứng lớp và chấm thi Ngữ văn.

TRONG BẢN DEMO NÀY CÓ: mục 1.1 Truyện (trọn vẹn); bảng câu hỏi đọc hiểu Truyện 4 cấp độ; dàn ý chung bài phân tích, đánh giá truyện; Đề số 1 nhóm Truyện đầy đủ 6 thành phần; danh mục 12 đề và trích đoạn bài văn mẫu nhóm Thơ, nhóm Nghị luận.

Gồm ba phần:

PHẦN 1. Kiến thức cơ bản theo đặc trưng thể loại (Truyện - Thơ - Văn bản nghị luận)

PHẦN 2. Kỹ năng đọc hiểu và viết theo thể loại

PHẦN 3. Ngân hàng đề thực hành (12 đề ôn tập)

MỤC LỤC

PHẦN 1. KIẾN THỨC CƠ BẢN THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

- 1.1. Truyện (Bài 1 - "Sức hấp dẫn của truyện kể")
- 1.2. Thơ (Bài 2 - "Vẻ đẹp của thơ ca")
- 1.3. Văn bản nghị luận (Bài 3 - "Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận")
- 1.4. Sử thi (Bài 4 - "Sức sống của sử thi"), kiến thức bổ trợ
- 1.5. Chèo, tuồng (Bài 5 - "Tích trò sân khấu dân gian"), phạm vi mở rộng

PHẦN 2. KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU VÀ VIẾT THEO THỂ LOẠI

- 2.1. Đọc hiểu theo 4 cấp độ (Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng - Vận dụng cao)
- 2.2. Viết - Dàn ý chung
 - 2.2.1. Dàn ý nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện
 - 2.2.2. Dàn ý nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ
 - 2.2.3. Dàn ý nghị luận xã hội (thuyết phục từ bỏ một thói quen/quan niệm)
 - 2.2.4. Dàn ý đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) - Truyện, Thơ, Xã hội

PHẦN 3. NGÂN HÀNG ĐỀ THỰC HÀNH (12 ĐỀ ÔN TẬP)

- 3.1. NHÓM NGŨ LIỆU TRUYỆN (4 đề)
- 3.2. NHÓM NGŨ LIỆU THƠ (4 đề)
- 3.3. NHÓM NGŨ LIỆU NGHỊ LUẬN (4 đề)

PHẦN 1. KIẾN THỨC CƠ BẢN THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

1.1. TRUYỆN (Bài 1 - "Sức hấp dẫn của truyện kể")

a. Các yếu tố cấu thành truyện kể

- **Cốt truyện:** được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc, điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

Nói nôm na, là bộ khung các sự việc nối tiếp nhau làm nên câu chuyện, giống như dàn ý tóm tắt của một bộ phim trước khi phim được quay thành hình.

- **Truyện kể:** sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định. Mạch kể này thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (lời kể, lời tả, lời bình luận...) tạo thành truyện kể.

Hiểu đơn giản, một cốt truyện được kể ra bằng lời văn cụ thể; cùng một cốt truyện nhưng mỗi người kể theo một cách riêng thì thành những truyện kể khác nhau.

- **Người kể chuyện:** là "vai" hay "đại diện" mà nhà văn tạo ra để thay mình thực hiện việc kể chuyện. Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian.

Có thể hình dung: Đây là "người dẫn chuyện" do nhà văn dựng lên để thay mình thuật lại câu chuyện cho người đọc nghe, chứ không phải lúc nào cũng chính là nhà văn đang nói.

- **Nhân vật:** là con người cụ thể được khắc hoạ trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật; có khi là thần linh, loài vật, đồ vật nhưng vẫn đại diện cho tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người.

Nói theo cách gần gũi hơn, là "diễn viên" của câu chuyện; dù mang hình hài người, thần hay đồ vật, nhân vật vẫn luôn mang bóng dáng suy nghĩ, tình cảm của con người thật.

- **Thần thoại:** thể loại truyện kể ra đời sớm nhất, kể về thế giới thần linh, thể hiện quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người xưa. Gồm hai nhóm theo chủ đề: thần thoại suy nguyên (kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài) và thần thoại sáng tạo (kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hoá).

Diễn đạt lại cho dễ nhớ: Đây là những câu chuyện xa xưa nhất loài người kể cho nhau nghe, để lí giải vì sao có trời đất, mưa nắng, muôn loài, bằng cách gán cho các vị thần làm ra tất cả.

Ngoài các khái niệm được định nghĩa riêng ở trên, phần "Yêu cầu cần đạt" của Bài 1 còn nêu rõ các yếu tố cần nhận biết và phân tích khi đọc một truyện kể : không gian, thời gian, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.

b. Yêu cầu đọc hiểu đặc trưng thể loại Truyện ở lớp 10

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

Đối chiếu liên cấp: lớp 10 làm quen cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện cơ bản (qua thần thoại, truyện truyền kì, truyện ngắn hiện đại) → lớp 11 đào sâu điểm nhìn và nghệ thuật kể chuyện → lớp 12 mở rộng sang tiểu thuyết.

NỘI DUNG CÓ TRONG BẢN ĐẦY ĐỦ: mục 1.2 đến 1.5 của Phần 1

- 1.2. Thơ (Bài 2): 9 khái niệm thơ (thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh, vần, nhịp, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ), mỗi khái niệm kèm lời diễn nôm và yêu cầu đọc hiểu lớp 10.
- 1.3. Văn bản nghị luận (Bài 3): luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, bài nghị luận xã hội; lỗi mạch lạc, liên kết.
- 1.4. Sử thi (Bài 4) và 1.5. Chèo, tuồng (Bài 5): tri thức bổ trợ, mẹo nhận diện nhanh khi gặp ngữ liệu lạ.

PHẦN 2. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VÀ VIẾT THEO THỂ LOẠI

2.1. ĐỌC HIỂU THEO 4 CẤP ĐỘ (NHẬN BIẾT - THÔNG HIỂU - VẬN DỤNG - VẬN DỤNG CAO)

Với mỗi thể loại, bảng dưới liệt kê các dạng câu hỏi thường gặp ở từng cấp độ, kèm một câu hỏi mẫu minh họa

a. Đọc hiểu Truyện

Cấp độ	Dạng câu hỏi thường gặp	Câu hỏi mẫu
Nhận biết	Xác định ngôi kể; xác định nhân vật chính/phụ; chỉ ra chi tiết, sự việc, không gian, thời gian trong văn bản; xác định phương thức biểu đạt chính.	Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy? Xác định nhân vật chính của truyện.
Thông hiểu	Nêu tác dụng của một chi tiết/biện pháp nghệ thuật; khái quát chủ đề/nội dung chính; lí giải hành động, tâm lí nhân vật; xác định và lí giải tình huống truyện.	Chi tiết "..." trong văn bản có tác dụng gì trong việc khắc họa nhân vật?
Vận dụng	Đánh giá vai trò của người kể chuyện/một yếu tố nghệ thuật; nhận xét về tính cách, số phận nhân vật; nhận xét về thông điệp, tư tưởng của tác giả.	Anh/chị có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả trong đoạn trích?
Vận dụng cao	Rút ra bài học nhận thức/hành động cho bản thân từ câu chuyện; liên hệ với một trải nghiệm hoặc tác phẩm khác cùng chủ đề; đánh giá giá trị nhân văn/giá trị hiện thực của tác phẩm trong bối cảnh rộng hơn.	Từ câu chuyện của nhân vật, anh/chị rút ra bài học gì cho bản thân trong cuộc sống hôm nay?

NỘI DUNG CÓ TRONG BẢN ĐẦY ĐỦ: bảng câu hỏi 4 cấp độ cho Thơ và Văn bản nghị luận

- Mỗi bảng chia rõ dạng câu hỏi Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao kèm câu hỏi mẫu.

2.2. VIẾT - DÀN Ý CHUNG

Bốn khung dàn ý dưới đây là khung/sườn chung, học sinh áp dụng được cho bất kỳ ngữ liệu nào cùng thể loại (không phải bài phân tích một tác phẩm cụ thể).

2.2.1. Dàn ý chung bài văn nghị luận phân tích, đánh giá MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

Theo đúng yêu cầu lớp 10 (SGK tr. 29-34): bài viết phải bàn cả chủ đề lẫn hình thức nghệ thuật, không thiên lệch; có bước tóm tắt tác phẩm (vừa đủ để người đọc nắm nội dung chính) trong thân bài; mở bài nêu lí do người viết chọn, yêu thích tác phẩm; mọi phân tích, đánh giá đều có chi tiết dẫn ra từ văn bản.

Mở bài

- Có thể dẫn dắt bằng một câu hỏi, một chi tiết gây ấn tượng của truyện, hoặc một nhận định lí luận văn học về truyện kể (không bắt buộc; nếu dẫn ý kiến của người khác cần ghi rõ nguồn, SGK tr. 34).
- Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm (nhan đề, tác giả) và ý kiến khái quát về giá trị của tác phẩm.
- Chia sẻ lí do chọn tác phẩm để phân tích, điều gì khiến người viết yêu thích, ấn tượng.

Thân bài

- Tóm tắt nội dung chính của truyện, vừa đủ để người đọc nắm được mạch phân tích phía sau.
- Phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện, dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm (biểu hiện qua nhan đề, qua nhân vật trung tâm, qua diễn biến/kết thúc truyện).
- Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm (ngôi kể/điểm nhìn, nghệ thuật xây dựng nhân vật, tình huống truyện, chi tiết nghệ thuật, ngôn ngữ, giọng điệu...), mỗi ý có chi tiết tiêu biểu dẫn ra từ tác phẩm. Thứ tự chủ đề trước/nghệ thuật sau hay ngược lại đều được, tùy tác phẩm cụ thể.

Kết bài

- Có thể khép lại bằng một nhận định lí luận văn học khác câu đã dùng ở mở bài (không bắt buộc).
- Khái quát nội dung chính đã trình bày ở thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm; có thể nêu nhận xét về thành công hay hạn chế của tác phẩm (SGK tr. 33).
- Có thể đưa ra một số ý tưởng mở rộng, liên hệ bản thân.

Một cách dễ bắt đầu: nếu chưa nghĩ ra câu mở bài, có thể bắt đầu bằng cách trả lời thẳng câu hỏi 'truyện này kể về ai, chuyện gì, và vì sao đáng đọc?', rồi viết lại cho trau chuốt hơn.

NỘI DUNG CÓ TRONG BẢN ĐẦY ĐỦ: dàn ý 2.2.2 đến 2.2.4

- 2.2.2. Dàn ý chung bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ (bám khung SGK tr. 66).
- 2.2.3. Dàn ý bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm (đúng kiểu bài đặc thù của Bài 3).
- 2.2.4. Ba khung đoạn văn 200 chữ: về truyện, về thơ, nghị luận xã hội; kèm mẹo tự kiểm tra đoạn văn lan man.

PHẦN 3. NGÂN HÀNG ĐỀ THỰC HÀNH (12 ĐỀ ÔN TẬP)

Mỗi đề gồm: ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm, đoạn văn tham khảo cho Câu 1 và bài viết tham khảo cho Câu 2. Cấu trúc ba nhóm đề bám sát phần Ôn tập học kì I (SGK tr. 156-159), nơi phần Viết đặt ra đúng các kiểu bài: phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học và thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc quan niệm. Cột "Yêu cầu cần đạt" trong bản đặc tả được diễn đạt theo yêu cầu cần đạt của chương trình, không chép lại câu hỏi.

3.1. NHÓM NGŨ LIỆU TRUYỆN (4 đề)

4 đề dưới đây luyện đúng kỹ năng đã học ở mục 2.2.1, và kỹ năng đọc hiểu 4 cấp độ đã học ở mục 2.1.

- Đề số 1: "Bức tượng" (S. Antov), truyện cực ngắn; Câu 1 nghị luận xã hội, Câu 2 phân tích, đánh giá truyện.

- Đề số 2: "Áo Tết" (Nguyễn Ngọc Tư), truyện ngắn; Câu 1 nghị luận xã hội, Câu 2 phân tích, đánh giá truyện.

- Đề số 3: "Bí ẩn của làn nước" (Bảo Ninh), truyện ngắn; Câu 1 nghị luận xã hội, Câu 2 phân tích, đánh giá truyện.

- Đề số 4: "Ô-đi-xê" (Hô-me-rơ), đoạn trích sử thi; Câu 1 nghị luận xã hội, Câu 2 phân tích, đánh giá đoạn trích.

Dưới đây là **Đề số 1 nhóm Truyện được giữ trọn vẹn** để quý thầy cô và các em xem đầy đủ 6 thành phần của một đề trong bộ tài liệu.

ĐỀ ÔN THI HỌC KÌ I - NGỮ VĂN 10 (KẾT NỐI TRI THỨC)
NHÓM TRUYỆN - ĐỀ SỐ 1

Ngữ liệu: "Bức tượng" - S. Antov

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức) - Thời gian làm bài: 90 phút

Kĩ năng	Nội dung / Đơn vị kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng điểm
Đọc hiểu	Văn bản truyện (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	2 câu / (1,0đ)	2 câu / (2,0đ)	1 câu / (1,0đ)	0	4,0 điểm
Viết	Đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ)				1 câu / (2,0đ)	2,0 điểm
Viết	Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và nghệ thuật của truyện (khoảng 600 chữ)				1 câu / (4,0đ)	4,0 điểm
Tổng		2 câu	2 câu	1 câu	2 câu	10,0 điểm

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

Câu	Yêu cầu cần đạt	Mức độ	Điểm
Đọc hiểu / câu 1	Nhận biết được ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của truyện.	Nhận biết	0,5đ
Đọc hiểu / câu 2	Nhận biết được mục đích việc làm của nhân vật người đàn ông (đào đất lấy đất sét để nặn tượng chính mình, mong được hậu thế ghi nhớ).	Nhận biết	0,5đ
Đọc hiểu / câu 3	Hiểu được ý nghĩa của chi tiết cuối truyện (bức tượng chỉ còn là đồng đất sét, cái giếng được người qua đường ngợi khen) trong việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm.	Thông hiểu	1,0đ
Đọc hiểu / câu 4	Khái quát được chủ đề của truyện.	Thông hiểu	1,0đ
Đọc hiểu / câu 5	Bày tỏ được quan điểm riêng về khát vọng được ghi nhớ của nhân vật; lí giải hợp lí, có	Vận dụng	1,0đ

căn cứ từ truyện và liên hệ với cuộc sống.

- | | | | |
|--------------|---|-----------------|------|
| Viết / câu 1 | Viết được đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của những việc làm âm thầm, cống hiến cho cộng đồng; lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng thuyết phục, có liên hệ với ngữ liệu đọc hiểu. | Vận dụng
cao | 2,0đ |
| Viết / câu 2 | Viết được bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và nét đặc sắc nghệ thuật của truyện "Bức tượng" (S. Antov): có tóm tắt ngắn, phân tích cụ thể bằng chi tiết trong truyện, đánh giá dựa trên lí lẽ và bằng chứng. | Vận dụng
cao | 4,0đ |

III. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - MÔN NGỮ VĂN 10 (Kết nối tri thức)

Đề số 1 - Nhóm ngữ liệu: TRUYỆN

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc truyện ngắn sau và thực hiện các yêu cầu:

BỨC TƯỢNG

S. Antov

Có một người đàn ông miệt mài đào đất. Cái hố ông đào cứ sâu dần, một dòng nước chảy ra và dưới đó, cuối cùng đã lộ ra một lớp đất sét màu xanh.

- Đây chính là thứ mình cần - người đàn ông reo lên, hăng hái xúc đầy những xô đất sét.

Có lẽ ông ta đã đào tới cả ngàn xô đất cho tới khi bên cạnh cái hố mọc lên một đồng đất sét cao ngút. Khi ấy người đàn ông mới yên tâm chui lên từ cái hố, lúc này đã là một cái giếng khá sâu. Sau đó người đàn ông bắt đầu dùng đồng đất sét để hì hục nặn tượng chính mình.

Sau ba ngày lao động cật lực, bức tượng đã hoàn thành. Người đàn ông chăm chú nhìn nó và mỉm cười mãn nguyện:

- Rồi mai đây, nhiều thế hệ sẽ ngắm bức tượng này và nhớ đến ta. Giờ thì ta có thể yên tâm chết được rồi.

Năm tháng qua đi. Vào một buổi trưa hè nóng bức, sau khi múc một xô nước mát lạnh lên uống cho dịu cơn khát, một đám khách qua đường quay sang nhìn đồng đất sét lùm lùm bên cạnh và nói với nhau:

- Ai đã đào cái giếng này quả là một con người tuyệt vời.

(S. Antov, dịch Hà Việt Anh, trích từ 100 truyện cực ngắn thế giới, NXB Hội Nhà Văn, 2001, tr.75)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong truyện.

Câu 2 (0,5 điểm). Người đàn ông trong truyện đã miệt mài đào đất nhằm mục đích gì?

Câu 3 (1,0 điểm). Ở cuối truyện, bức tượng chỉ còn là "đống đất sét lùm lùm bên cạnh", còn cái giếng lại được khách qua đường nhắc đến bằng lời ngợi khen. Chi tiết này có ý nghĩa gì?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu chủ đề của truyện.

Câu 5 (1,0 điểm). Theo anh/chị, mong muốn được "nhiều thế hệ" sau ghi nhớ của người đàn ông có đáng trách không? Vì sao?

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ câu chuyện ở phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của những việc làm âm thầm, cống hiến cho cộng đồng.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện "Bức tượng" (S. Antov).

HẾT

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Ngôi kể thứ ba; phương thức biểu đạt chính: tự sự.

Câu 2 (0,5 điểm):

Người đàn ông đào đất để lấy lớp đất sét màu xanh ("Đây chính là thứ mình cần") nặn tượng chính mình, với mong muốn "nhiều thế hệ sẽ ngắm bức tượng này và nhớ đến ta".

Câu 3 (1,0 điểm):

- Chi tiết tạo nên sự đảo ngược: bức tượng, công trình nhân vật dồn tâm sức để lưu danh, bị thời gian bào mòn thành "đống đất sét lùm lùm", không còn ai nhận ra; còn cái giếng, sản phẩm phụ ông không hề chủ đích, lại cho người qua đường nước mát và khiến họ biết ơn người đào (0,5đ). - Ý nghĩa: điều được người đời ghi nhớ không phải thứ con người dựng lên để tôn vinh mình mà là việc làm có ích cho người khác; hàm ý trở trêu:

ông được ngợi khen thật nhưng là khen một người vô danh ("Ai đã đào cái giếng này"), trái hẳn ước muốn lưu lại hình hài, tên tuổi của ông (0,5đ).

Câu 4 (1,0 điểm):

Chủ đề: giá trị đích thực và bền lâu của một con người không nằm ở những gì người đó dựng lên để tôn vinh bản thân, mà ở những đóng góp thiết thực cho người khác, dù có khi là âm thầm, không chủ đích. (Học sinh diễn đạt khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa.)

Câu 5 (1,0 điểm):

Học sinh nêu quan điểm riêng, lí giải hợp lí. Gợi ý: mong muốn được ghi nhớ là khát vọng chính đáng, rất con người, tự nó không đáng trách; điều đáng suy ngẫm là cách nhân vật chọn để được nhớ: nặn tượng "chính mình", hướng về bản thân, coi việc lưu danh là đích đến ("Giờ thì ta có thể yên tâm chết được rồi"), trong khi giá trị bền lâu lại thuộc về việc làm hướng tới người khác như cái giếng. Chấp nhận ý kiến cho rằng đáng trách nếu lí giải thuyết phục (khát vọng ấy đã biến thành sự tự tôn vinh).

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Tiêu chí	Điểm	Nội dung yêu cầu
a. Đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng (khoảng 200 chữ)	0,25đ	Trình bày thành một đoạn văn hoàn chỉnh (không tách xuống dòng tùy tiện), dung lượng khoảng 200 chữ, không quá ngắn hoặc quá dài.
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25đ	Ý nghĩa của những việc làm âm thầm, cống hiến cho cộng đồng.
c. Triển khai được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề	1,0đ	Mở đoạn: Từ câu chuyện người đào giếng trong "Bức tượng", nêu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của những việc làm âm thầm, cống hiến cho cộng đồng. Thân đoạn: - Giải thích: việc làm âm thầm là những đóng góp không cầu danh lợi, không phô trương, xuất phát từ trách nhiệm hoặc thiện tâm. - Bàn luận: những việc làm ấy mang lại giá trị bền vững, thiết thực, được ghi nhận lâu dài hơn những tham vọng lưu danh hình thức (liên hệ chi tiết cái giếng nước còn mãi, còn bức tượng đất sét thì tan biến). - Nhìn nhận chiều ngược lại: phê phán lối sống chỉ chăm chú hình ảnh cá nhân, phô

trương mà thiếu đóng góp thực chất; không phủ nhận việc khẳng định bản thân chính đáng.

Kết đoạn: Rút ra bài học nhận thức (giá trị đích thực nằm ở sự cống hiến) và hành động (sống có ích, đóng góp thiết thực cho cộng đồng dù nhỏ bé) cho bản thân.

d. Diễn đạt	0,25đ	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt; các câu trong đoạn liên kết chặt chẽ, mạch lạc.
đ. Sáng tạo	0,25đ	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, giọng điệu riêng, liên hệ thực tế thuyết phục.

Câu 2 (4,0 điểm)

Tiêu chí	Điểm	Nội dung yêu cầu
a. Đảm bảo bố cục và dung lượng bài văn (khoảng 600 chữ)	0,25đ	Bài viết đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài; dung lượng khoảng 600 chữ.
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,5đ	Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện "Bức tượng" (S. Antov).
c. Viết được bài văn đảm bảo yêu cầu	2,5đ	Mở bài: - Dẫn dắt tự nhiên (bằng một hình ảnh, một câu hỏi, một trải nghiệm đọc...); không bắt buộc dẫn nhận định lí luận văn học, nếu dẫn ý kiến của người khác cần ghi rõ nguồn. - Giới thiệu ngắn gọn tác giả S. Antov và truyện "Bức tượng"; chia sẻ lí do/ấn tượng khi đọc. - Nêu vấn đề: phân tích chủ đề và nét đặc sắc nghệ thuật của truyện. Thân bài: - Tóm tắt ngắn gọn: người đàn ông đào đất lấy đất sét nặn tượng chính mình để mong hậu thế nhớ đến; nhiều năm sau, bức tượng tan thành đất, chỉ còn cái giếng ông vô tình đào ra được người đời ghi nhớ, ca ngợi.

* **Luận điểm 1. Chủ đề:** giá trị đích thực của cuộc sống nằm ở sự cống hiến thiết thực cho cộng đồng, không phải ở tham vọng lưu danh cho bản thân

- Đối sánh hai "công trình": bức tượng nặn "chính mình" (hướng về bản thân, vươn lên để được ngắm nhìn) bị thời gian xoá nhoà thành "đồng đất sét lùm lùm"; cái giếng (nước, sự sống, hướng về người khác, đào sâu xuống lòng đất) không chủ đích mà lại được người đời trân trọng. Chi tiết "một dòng nước chảy ra" bị nhân vật bỏ qua để reo lên khi gặp đất sét: thứ ông xem nhẹ lại là thứ con người cần nhất.

- Lời nói của nhân vật "Giờ thì ta có thể yên tâm chết được rồi" mang tính trớ trêu (niềm yên tâm đặt nhầm chỗ); câu nói của đám khách qua đường ở cuối truyện là điểm sáng tư tưởng: người muốn lưu lại hình hài, tên tuổi lại được nhớ đến như một người vô danh ("Ai đã đào cái giếng này"). Truyện không phủ nhận khát vọng được ghi nhớ mà chỉ ra con đường đích thực dẫn tới sự ghi nhớ.

* **Luận điểm 2. Nét đặc sắc nghệ thuật**

- Dung lượng truyện cực ngắn, hàm súc, cô đọng.

- Tình huống truyện bất ngờ, giàu tính triết lí (đảo ngược kì vọng ban đầu của nhân vật).

- Kết thúc bất ngờ, giàu hàm ý (lời ngợi khen dành cho người đào giếng chứ không phải người nặn tượng); nghệ thuật đối lập xuyên suốt (tượng/giếng, đất sét/nước, "ba ngày"/"Năm tháng qua đi", mục đích/kết quả); nhân vật không tên mang tính khái quát; giọng kể khách quan, hàm ý mỉa mai kín đáo.

- Dẫn chứng cụ thể cho từng ý.

Kết bài:

- Khẳng định giá trị nhân sinh sâu sắc của truyện.

		- Nêu cảm nhận, đánh giá riêng của người viết.
d. Diễn đạt	0,25đ	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt; các phần, đoạn liên kết chặt chẽ, mạch lạc.
đ. Sáng tạo	0,5đ	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, cảm thụ tinh tế; có cách diễn đạt mới mẻ, giọng văn riêng, lập luận giàu sức thuyết phục.

V. ĐOẠN VĂN THAM KHẢO (Câu 1 - 2,0 điểm)

(Đoạn văn minh họa cách triển khai, câu in đậm là câu chủ đề của đoạn)

Việc làm âm thầm vì cộng đồng có giá trị bền lâu hơn mọi sự phô trương, bởi nó được đo bằng lợi ích thật mà người khác nhận được. Âm thầm cống hiến là làm điều có ích cho tập thể mà không đòi được ghi tên, không cần ai vỗ tay. Trong truyện "Bức tượng", cái giếng không mang khuôn mặt ai nhưng vẫn làm dịu cơn khát của khách qua đường sau nhiều năm, còn bức tượng tôn vinh người nặn thì chỉ còn là đồng đất. Đời sống quanh ta cũng vậy: người lao công quét đường khi trời chưa sáng, những tình nguyện viên lặng lẽ trong mùa lũ. Tên họ có thể không ai nhớ, nhưng con đường sạch, bữa cơm đến kịp lúc thì ai cũng được hưởng. Tuy vậy, âm thầm không có nghĩa là phải chối bỏ mọi sự ghi nhận; mong được người khác biết đến là chính đáng, chỉ đáng phê phán khi danh tiếng trở thành mục đích còn việc làm chỉ là phương tiện đánh bóng bản thân. Là học sinh, tôi có thể bắt đầu từ việc nhỏ như giữ sạch lớp học, giảng bài cho bạn, làm vì việc ấy cần làm chứ không vì ai sẽ khen.

VI. BÀI VIẾT THAM KHẢO (Câu 2 - 4,0 điểm)

(Bài viết mẫu để học sinh tham khảo cách triển khai, không phải đáp án duy nhất)

Cái giếng và bức tượng: đọc truyện "Bức tượng" (S. Antov)

Một khối đất sét được đắp cao thành hình người, vươn lên như muốn ai đi qua cũng phải ngược nhìn. Ngay bên cạnh là một cái hố sâu hun hút, hướng xuống lòng đất, chẳng có gì để ngấm ngoài một vòng nước tối. Truyện cực ngắn "Bức tượng" của S. Antov được dựng lên từ đúng hai hình ảnh ấy, và tôi chọn viết về nó vì chỉ trong vài đoạn ngắn, truyện buộc người đọc tự hỏi mình đang nặn tượng hay đang đào giếng. **Bằng một cú đảo ngược ở câu cuối, S. Antov cho thấy điều còn lại với đời không phải thứ con người dựng lên để tôn mình, mà là thứ họ để lại cho người khác dùng.**

Câu chuyện rất gọn. Một người đàn ông miệt mài đào đất, đến khi lộ ra lớp đất sét màu xanh thì reo lên: "Đây chính là thứ mình cần". Ông xúc lên cả một đồng đất sét cao ngút rồi hì hục nặn tượng chính mình. Ba ngày sau, bức tượng hoàn thành, ông满怀 nguyện tin rằng "nhiều thế hệ sẽ ngấm bức tượng này và nhớ đến ta". Năm tháng trôi qua, một đám khách qua đường mức nước giếng uống, nhìn "đồng đất sét lùm lùm bên cạnh"

và khen người đã đào cái giếng. **Toàn bộ sức nặng của truyện dồn vào khoảng cách giữa điều nhân vật chờ đợi và điều cuộc đời thực sự ghi nhận.**

Đặt hai công trình cạnh nhau, ta thấy chúng khác nhau ngay từ hướng nhìn. Bức tượng là tượng "chính mình": người làm ra nó vừa là tác giả, vừa là mẫu, vừa là người hưởng vinh quang. Cái giếng thì không mang khuôn mặt ai, nó chỉ có nước, thứ mà bất cứ người khát nào cũng cần. Đáng chú ý, khi đào, "một dòng nước chảy ra" trước, vậy mà người đàn ông chẳng mấy may bận tâm; ông chỉ reo lên khi gặp đất sét. **Chủ đề của truyện hiện ra từ sự lệch pha ấy: giá trị của một con người không đo bằng những gì người đó dựng lên để được nhớ, mà bằng những gì người đó để lại có ích cho người khác.** Truyện không chế giễu khát vọng được ghi nhớ, một khát vọng rất người, mà chỉ lặng lẽ cho thấy con đường dẫn tới sự ghi nhớ thường nằm ở nơi ta không ngờ.

"Sau ba ngày lao động cật lực", bức tượng đã xong; nhưng chỉ một câu "Năm tháng qua đi" là đủ biến công sức ba ngày ấy thành một đồng đất không ai nhận ra. Ba ngày đặt cạnh năm tháng: tham vọng cá nhân thật ngắn ngủi trước thời gian. Lời nhân vật "Giờ thì ta có thể yên tâm chết được rồi" vì thế mang hai lớp nghĩa: ông yên tâm vì tin mình đã bắt tử, còn người đọc thì biết niềm yên tâm ấy đặt nhầm chỗ. Cay đắng hơn, ông có được khen thật, nhưng là khen một người không tên: "Ai đã đào cái giếng này". **Người muốn lưu lại khuôn mặt mình cuối cùng được nhớ đến bằng một việc làm không mang tên, và đó là nghịch lí sâu nhất mà S. Antov cài vào truyện.**

Về hình thức, "Bức tượng" chứng tỏ sức chứa của thể truyện cực ngắn. Nhân vật không tên, không tuổi, không quê quán, chỉ là "người đàn ông", nên có thể là bất kì ai trong chúng ta. Người kể đứng ngoài câu chuyện, không bình luận nửa lời, để hành động và lời thoại tự nói. Kết thúc bất ngờ, giàu hàm ý: lời khen của đám khách qua đường lật ngược toàn bộ kì vọng của nhân vật mà tác giả không cần giảng giải. Cả truyện đứng vững trên một chuỗi đối lập được chọn kĩ, lên và xuống, đất sét và nước, ba ngày và năm tháng, mục đích và kết quả. **Chính sự tiết chế ấy khiến bài học về cách sống thấm vào người đọc hơn mọi lời răn dạy trực tiếp.**

Đọc xong, tôi không thấy người đàn ông đáng cười chê; ông chỉ giống phần đông chúng ta, mãi mê với hình ảnh của mình. **Với một tình huống giản dị và những đối lập sắc nét, "Bức tượng" mang giá trị nhân sinh bền lâu, nhắc mỗi người rằng việc đáng làm đôi khi là đào giếng chứ không phải nặn tượng.** Trong từng việc nhỏ ở trường, ở nhà, có lẽ câu hỏi nên đặt ra là việc này dành cho ai, chứ không phải ai sẽ nhớ đến mình.

DANH MỤC 12 ĐỀ TRONG BẢN Đầy Đủ

Mỗi đề đều có: ma trận, bản đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm, đoạn văn mẫu (Câu 1) và bài văn mẫu (Câu 2).

Đề	Ngữ liệu đọc hiểu	Câu 1: Đoạn văn 200 chữ	Câu 2: Bài văn 600 chữ
Truyện 1 (có trong demo)	"Bức tượng" (S. Antov)	Ý nghĩa của những việc làm âm thầm, cống hiến cho cộng đồng	Cái giếng và bức tượng
Truyện 2	"Áo Tết" (Nguyễn Ngọc Tư)	Ý nghĩa của sự thấu hiểu, sẻ chia trong tình bạn	Một tấm áo, hai tấm lòng
Truyện 3	"Bí ẩn của làn nước" (Bảo Ninh)	Sức mạnh của tình yêu thương giữa con người trong hoạn nạn	Đứa con của làn nước
Truyện 4	"Ô-đi-xê" (Hô-me-rơ), đoạn trích	Bản lĩnh của con người trước khó khăn, thử thách	Giữa Xi-la và Ka-ríp
Thơ 1	"Xuân về" (Nguyễn Bính)	Niềm vui từ những điều bình dị, giản đơn	Mùa xuân thông thả của làng quê
Thơ 2	"Thuốc đắng" (Mai Văn Phấn)	Vai trò của thử thách, gian nan với sự trưởng thành	Vị đắng của yêu thương
Thơ 3	"Giấc mơ của anh hề" (Lưu Quang Vũ)	Vai trò của ước mơ, khát vọng trong cuộc sống	Nụ cười sau tấm màn nhung
Thơ 4	"Tấc đất Thành cổ" (Phạm Đình Lân)	Trách nhiệm tri ân những người đã hi sinh vì Tổ quốc	Lời ru bên dòng Thạch Hãn
Nghị luận 1	"Thói quen" (Băng Sơn)	Nghị lực trong việc thay đổi thói quen chưa tốt	Thuyết phục bạn bỏ thói quen trì hoãn
Nghị luận 2	"Hiểu về trái tim" (Minh Niệm), trích	Ý nghĩa của việc lắng nghe	Thuyết phục bỏ thói quen mãi dùng điện thoại khi trò chuyện
Nghị luận 3	"Về bài thơ Ông đồ..." (Vũ Quần Phương), trích	Giới trẻ giữ gìn văn hoá truyền thống	Thuyết phục bỏ quan niệm "truyền thống là cũ kĩ"
Nghị luận 4	"Sức gọi tả của hình ảnh trong bài thơ Thu điếu" (Trần Đình Sử), trích	Sống chậm lại, lắng nghe thiên nhiên	Thuyết phục bỏ thói quen sống vội, lệ thuộc thiết bị

ĐOẠN MỞ ĐẦU CỦA HAI BÀI VĂN MẪU KHÁC

Để thấy giọng văn thay đổi theo từng thể loại, mời quý thầy cô và các em đọc đoạn mở bài của hai bài văn mẫu trong bản đầy đủ.

NHÓM THƠ - ĐỀ SỐ 3

Nụ cười sau tấm màn nhung: đọc "Giấc mơ của anh hề" (Lưu Quang Vũ)

Anh hề là người kiếm sống bằng tiếng cười của người khác. Trên sân khấu, anh vấp ngã, nhăn nhó cho khán phòng thích thú; nhưng khi tấm màn buông xuống, con người thật của anh ở lại với cái nghèo. Lưu Quang Vũ, một người viết kịch, hẳn hiểu rõ nghịch lí ấy, nên ông để anh hề Ác-lơ-canh "Nằm mỉm cười sau tấm màn nhung": chỉ khi rời vai diễn và chìm vào giấc ngủ, anh mới có được nụ cười của riêng mình. **Đi từ nghịch lí giữa vai diễn và con người thật, "Giấc mơ của anh hề" cất lên niềm cảm thông với những phận người nhỏ bé và một suy ngẫm sâu xa: giấc mơ là nơi con người sống thật nhất với khát vọng của mình.**

(Bài viết còn tiếp trong bản đầy đủ...)

NHÓM NGHỊ LUẬN - ĐỀ SỐ 1 (bài thuyết phục từ bỏ thói quen)

Mình đã thôi nói "để mai", cậu thử cùng mình nhé

Tối thứ Năm tuần trước nữa, mình ngồi trước tập đề cương Lịch sử đến gần một giờ sáng, mắt díp lại mà mới chép được nửa trang. Suốt hai tuần kể từ hôm cô giao, mình vẫn tự nhủ "để mai", rồi mai lại có một trận bóng, một bộ phim. Sáng hôm sau, mình đến lớp với đôi mắt thâm quầng và bài kiểm tra chỉ được năm điểm. Mình kể chuyện này vì thấy cậu đang đi đúng con đường ấy: bài thuyết trình nhóm hạn sáng thứ Hai, vậy mà tối Chủ nhật cậu mới nhắn "mai tớ làm nốt". **Vì từng đứng đúng chỗ cậu đang đứng, mình muốn nói thật với cậu rằng thói quen trì hoãn đang lấy đi của chúng mình nhiều hơn những gì nó hứa hẹn, và cậu hoàn toàn có thể bỏ được nó.**

(Bài viết còn tiếp trong bản đầy đủ...)

ĐẶT MUA BẢN ĐẦY ĐỦ

Chuyên đề ôn tập Học kỳ 1 - Ngữ văn 10 (Kết nối tri thức)

Nếu quý thầy cô và các em thấy bản demo hữu ích, bản đầy đủ còn 11 đề nữa với cùng một chuẩn biên soạn: ngữ liệu mới ngoài SGK, hướng dẫn chấm chi tiết đến từng ý, bài viết mẫu viết riêng cho từng đề. Đây là bộ tài liệu dùng được trọn mùa ôn thi cuối học kì I, từ tiết ôn tập trên lớp đến buổi tự luyện ở nhà.

CÁCH ĐẶT MUA

- **Nhắn Zalo: 0328 961 617**
- **Nội dung tin nhắn:** HK1 VĂN 10 + họ tên + bạn là giáo viên, phụ huynh hay học sinh
- **Theo dõi trang Facebook "Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn"** để cập nhật tài liệu mới và ưu đãi.

Trọn bộ cùng chuẩn biên soạn: "Chuyên đề ôn tập Học kỳ 1" cho cả ba khối 10, 11, 12. Đặt theo bộ để được tư vấn ưu đãi tốt nhất.

Cảm ơn quý thầy cô, quý phụ huynh và các em đã tin tưởng đồng hành cùng "Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn".